TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các *Hội thẩm nhân dân:*
Ông Nguyễn Lâm Tới;
Bà Nguyễn Thị Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Bà Neàng Sa Men– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Neáng Sóc C, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Chau K, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp V, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

- *Người phiên dịch*: Ông Lục Tà Dung – Cán bộ Đài truyền thanh huyện Tịnh Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện lại ngày 21 tháng 02 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Neáng Sóc C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Chau K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã L, huyện T ngày 16 tháng 11 năm 2011. Sau khi cưới vợ chồng cùng đi làm ở Đồng Nai, đến tháng 12 năm 2011 về nhà ở xã L sinh sống, thời gian này vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vả nhau và anh K bỏ nhà đi từ đó, không còn liên lạc nhau. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Chau K.

Về con chung: có một con chung tên Neáng Linh Đ, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2011, bà Neáng Sóc C yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu ông Chau K cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Đối với ông Chau K đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng thông qua việc niêm yết công khai về: thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Sáng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- *Cháu Neáng Linh Đa có ý kiến*: Nếu cha mẹ ly hôn có nguyện vọng được sống với mẹ Neáng Sóc C.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa bà Neáng Sóc C và ông Chau K có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy về tình cảm bà Neáng Sóc C và ông Chau K không còn hạnh phúc, cả hai bỏ mặt không còn quan tâm, chung sống với nhau, thể hiện từ tháng 12 năm 2011, trong thời gian 07 năm cả hai không liên lạc, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt. Về con chung: Neáng Linh Đ, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2011, xét từ khi ông K bỏ đi, con chung đều do bà Neáng Sóc C nuôi dưỡng và Neáng Linh Đ có nguyện vọng được sống với bà Neáng Sóc C, cần tiếp tục giao con chung cho bà C nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Neáng Sóc C.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Chau K vắng mặt. Nguyên đơn bà Neáng Sóc C vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Chau K đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau K có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp V, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Trong quá trình giải quyết vụ án các văn bản tố tụng của Tòa án: thông báo thụ lý số 44/TB-TLVA ngày 27/6/2018; Thông báo số 115/TB-TA ngày 24/7/2018 về phiên họp; Thông báo số 143/TB-TA ngày 09/8/2018 về phiên họp; Quyết định xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2018 và các biên bản tại Tòa án đều ghi tên nguyên đơn là **Neàng Sóc C,** do sai sót trong khâu đánh máy. Do đó, xác định lại nguyên đơn tên là **Neáng Sóc C**, theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 16/11/2011 của Ủy ban nhân dân xã L và giấy chứng minh nhân dân tên Neáng Sóc C.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Giữa bà Neáng Sóc C và ông Chau K được xác lập vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T ngày 16 tháng 11 năm 2011 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Theo lời khai của bà Neáng Sóc C thì vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12 năm 2011, do cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ đó thấy rằng giữa vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Điều này chứng minh tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà Neáng Sóc C xin ly hôn là có căn cứ.

- Về con chung: Có một con chung tên Neáng Linh Đ, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2011. Bà Neáng Sóc C yêu cầu được quyền nuôi con chung. Từ sau khi không còn chung sống, con chung đều do bà Neáng Sóc C nuôi dưỡng và cháu Neáng Linh Đ có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập của bé. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần tiếp tục giao con chung

cho bà Neáng Sóc C nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà Neáng Sóc C không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Neáng Sóc C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Chau K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Neáng Sóc C xin ly hôn với ông Chau K.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Neáng Sóc C và ông Chau K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Neáng Linh Đ, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2011 cho bà Neáng Sóc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Chau K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Neáng Sóc C, cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Chau K thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Neáng Sóc C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004274 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Neáng Sóc C đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã L;
- Lưu HS & VP.

Võ Thị Ngọc Mỹ